TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 10 - 01 - 2023
"*V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Sơn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Huy Cương

Bà Bùi Thị Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Đậu Thị Bích Thủy, Thẩm tra viên, Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Loan, Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An mở phiên tòa để xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 305/2022/TLST-HNGĐ ngày 11/11/2022 về việc "*Ly hôn và tranh chấp nuôi con*". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 292/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Lê Thị Thanh T, sinh ngày 28/9/1986; địa chỉ: xóm 5, xã NT, huyện NĐ, tỉnh Nghệ An; vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Doãn L, sinh ngày 21/6/1981; địa chỉ trước khi xuất cảnh: xóm 3, xã TS, huyện ĐL, tỉnh Nghệ An. Chỗ ở hiện nay: No 39-02 Jalan Sagu 18 Taman Daya 81100 Johor Baharu Malaixia; vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, tại bản tự khai nguyên đơn chị Lê Thị Thanh T trình bày: Chị và anh anh Nguyễn Doãn L kết hôn với nhau vào ngày 23/02/2009, đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã TS, huyện ĐL, tỉnh Nghệ An. Việc kết hôn hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc. Năm 2010 chị T đi xuất khẩu lao động tại Mailaixia, chồng con ở nhà. Năm 2012 thì chị T về nước, thì anh L đi xuất khẩu lao động tại Malayxia. Năm 2014 chị tiếp tục đi xuất khẩu lao động tại Malayxia. Năm 2018 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Vợ chồng không liên lạc với nhau từ tháng 3/2020 đến nay. Lý do mâu thuẫn là do tính tính không hợp nhau, vợ chồng không còn niềm tin vào nhau, cuộc sống hôn nhân ngày càng nặng nề. Chị T đã về nước sinh sống. Nay thấy

tình cảm vợ chồng không còn nên chị Lê Thị Thanh T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Doãn L.

Về con chung: Chị Lê Thị Thanh T và anh Nguyễn Doãn L có hai con chung là Nguyễn Lê Bảo L1, sinh ngày 09/01/2010 và Nguyễn Doãn T1, sinh ngày 20/9/2013. Từ năm 2014 đến nay, chị T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai con. Ly hôn chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi hai con chung và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Nguyễn Doãn L có bản tự khai có xác nhận của Đại sứ quán Việt Nam tại Malaixia gửi Toà án nhân dân tỉnh Nghệ An trình bày: Anh đã nhận được thông tin của Toà án nhân dân tỉnh Nghệ An về việc chị Lê Thị Thanh T ly hôn với anh. Anh thừa nhận diễn biến quá trình hôn nhân, các con chung, tài sản, nợ chung đúng như chị T khai. Nay chị T làm đơn xin ly hôn thì anh đồng ý, vì anh không còn tình cảm yêu thương với chị T. Ly hôn anh đồng ý để chị T được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, vì anh đang đi lao động tại nước ngoài.

Các con chị T và anh L là Nguyễn Lê Bảo L1 (hiện đang học lớp 7C trường trung học cơ sở NT) và Nguyễn Doãn T1 (hiện đang học lớp 4E trường tiểu học NT) trình bày: Các con đang ở với mẹ Lê Thị Thanh T. Nếu bố mẹ ly hôn, các con xin được ở với mẹ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án Thẩm phán, thư ký đã ban hành các quyết định và thực hiện đầy đủ các trình tự thủ tục tố tụng, Hội đồng xét xử đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng tại phiên tòa.

Đối với những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn anh Nguyễn Doãn L hiện đang ở Malaixia, có Bản tự khai có xác nhận của Đại sứ quán Việt Nam tại Malaixia đề nghị được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Vì vậy việc xét xử vụ án vắng mặt bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Xét thấy chị Lê Thị Thanh T và anh Nguyễn Doãn L có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TS, huyện ĐL, tỉnh Nghệ An vào năm 2009, không vi phạm điều cấm của luật nên hôn nhân là hợp pháp. Chị T và anh L không liên lạc với nhau từ tháng 3/2020 đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Lê Thị Thanh T được ly hôn anh Nguyễn Doãn L. Về con chung: Đề nghị giao 02 con chung là Nguyễn Lê Bảo L1 và Nguyễn Doãn T1 cho chị Lê Thị Thanh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; anh Nguyễn Doãn L không phải đóng góp cấp

dưỡng nuôi con, do chị T không yêu cầu. Về tài sản chung, nợ chung: Chị T không yêu cầu nên không xem xét; chị Lê Thị Thanh T và anh Nguyễn Doãn L có quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự khác khi có yêu cầu. Chị T phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Vụ án hôn nhân và gia đình về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" giữa nguyên đơn chị Lê Thị Thanh T và bị đơn anh Nguyễn Doãn L. Chị T và anh L đều có hộ khẩu thường trú tại xóm 3, xã TS, huyện ĐL tỉnh Nghệ An; bị đơn anh Nguyễn Doãn L hiện đang sống tại Malaixia, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An theo quy định tại khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37 và Điều 469 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Doãn L ở nước ngoài, có đề nghị vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Tòa án đã tiến hành tống đạt, niêm yết các văn bản tố tụng tại địa chỉ nơi trú cuối cùng của anh L trước khi xuất cảnh theo đúng quy định pháp luật. Vì vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung. Vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 2 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chị Lê Thị Thanh T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, theo khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị Thanh T, Hội đồng xét xử thấy rằng:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Thanh T và anh Nguyễn Doãn L kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 23 tháng 02 năm 2009 tại Ủy ban nhân dân xã TS, huyện ĐL, tỉnh Nghệ An, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, chị T và anh L lần lượt đi xuất khẩu lao động tại Malaixia. Nay chị T đã về nước sinh sống. Vợ chồng không liên lạc với nhau từ tháng 3/2020 đến nay. Nay, chị T và anh L không còn tình cảm vợ chồng với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T cho chị Lê Thị Thanh T được ly hôn anh Nguyễn Doãn L theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

2.2. Về con chung: Chị Lê Thị Thanh T và anh Nguyễn Doãn L có hai con chung là Nguyễn Lê Bảo L1, sinh ngày 09/01/2010 và Nguyễn Doãn T1, sinh ngày 20/9/2013. Chị T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai con. Ly hôn chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi hai con chung và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Xét nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là nguyện vọng chính đáng. Chị T đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các con từ năm 2014 đến nay. Anh L đang làm ăn, sinh sống ở nước ngoài và đồng ý giao các con cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Vì vậy, để đảm bảo quyền và L ích hợp pháp của con, cần giao con chung là Nguyễn Lê Bảo L1 và Nguyễn Doãn T1 cho chị Lê Thị Thanh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục như nguyện vọng của các con.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Lê Thị Thanh T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2.3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Lê Thị Thanh T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Chị T, anh L có quyền khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác khi có đơn yêu cầu.

[3] Về án phí sơ thẩm: Chị Lê Thị Thanh T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; khoản 1 Điều 207, Điều 147 và điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 469 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Thanh T được ly hôn anh Nguyễn Doãn L.

2. Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Lê Bảo L1, sinh ngày 09 tháng 01 năm 2010 và Nguyễn Doãn T1, sinh ngày 20 tháng 9 năm 2013 cho chị Lê Thị Thanh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Lê Thị Thanh T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Anh Nguyễn Doãn L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Không ai được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung. Nếu ai vi phạm thì người kia có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con chung.

Sau khi ly hôn, vì L ích mọi mặt của con, khi có lý do chính đáng hoặc có căn cứ theo quy định của pháp luật, theo yêu cầu của một hoặc các bên thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Lê Thị Thanh T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Chị Lê Thị Thanh T và anh Nguyễn Doãn L có quyền khởi kiện bằng một vụ kiện dân sự khác khi có đơn yêu cầu.

5. Về án phí: Chị Lê Thị Thanh T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp (uỷ quyền cho chị Nguyễn Thị Quý nộp thay) tại Cục thi hành án dân sự tỉnh nghệ An, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012282 ngày 10/11/2022.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày niêm yết hợp lệ. Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 01 tháng, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND Cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Cục THADS tỉnh Nghệ An;
- UBND xã TS;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Nguyễn Anh Sơn